

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B 01a – CTQ)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B 02a – CTQ)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 03a – CTQ)	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ (Mẫu số B 05a – CTQ)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 09a – CTQ)	11

Số 09/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 5 năm 2014
do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy chứng nhận
Đăng ký kinh doanh**

Số 4103005204 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 8 năm 2006,
đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25 tháng 10 năm 2006
do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch
Ông Cung Trần Việt	Thành viên
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên

**Tổng Giám đốc kiêm
Người đại diện theo pháp luật**

Ông Cung Trần Việt

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Trụ sở chính

Phòng 2303, Lầu 23, Tòa nhà Lim
9-11 Đường Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày từ Thuyết minh 2 đến Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 42. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam.



Cung Trần Việt
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam
Ngày 3 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2017, và được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 3 tháng 8 năm 2017. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy không có sự kiện nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Thị Thanh Trúc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3047-2014-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM6342
TP. Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 8 năm 2017

Như đã nêu trong thuyết minh 3.1 cho báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B 01a – CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		156.297.722.082	148.801.891.401
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		19.207.430.841	21.807.672.922
111	Tiền	5.1	8.207.430.841	6.807.672.922
112	Các khoản tương đương tiền	5.2	11.000.000.000	15.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		114.659.301.651	114.724.854.127
121	Đầu tư ngắn hạn	5.3(a)(i)	115.403.110.420	117.195.639.442
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	5.3(a)(ii)	(743.808.769)	(2.470.785.315)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		21.952.164.304	11.350.945.954
131	Phải thu khách hàng	5.4	3.682.974.000	5.202.802.834
132	Trả trước cho người bán	5.5	16.510.517.000	-
134	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.6	3.552.278.145	2.512.999.414
135	Các khoản phải thu ngắn hạn khác		625.795.159	5.135.143.706
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.7	(2.419.400.000)	(1.500.000.000)
150	Tài sản ngắn hạn khác		478.825.286	918.418.398
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		128.817.089	144.258.524
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	5.10	350.008.197	774.159.874
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		11.061.836.811	11.275.331.550
210	Các khoản phải thu dài hạn		513.242.193	433.398.700
216	Phải thu dài hạn khác	5.9	513.242.193	433.398.700
220	Tài sản cố định		795.402.212	1.035.344.974
221	Tài sản cố định hữu hình	5.8(a)	767.985.488	989.233.250
222	Nguyên giá		2.831.382.775	2.831.382.775
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.063.397.287)	(1.842.149.525)
227	Tài sản cố định vô hình	5.8(b)	27.416.724	46.111.724
228	Nguyên giá		815.209.540	815.209.540
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(787.792.816)	(769.097.816)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		9.600.000.000	9.600.000.000
258	Đầu tư dài hạn khác	5.3(b)	9.600.000.000	9.600.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		153.192.406	206.587.876
261	Chi phí trả trước dài hạn		153.192.406	206.587.876
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		167.359.558.893	160.077.222.951

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 01a – CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		6.170.095.834	4.132.455.922
310	Nợ ngắn hạn		5.791.105.997	3.742.955.353
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.10	235.352.500	587.009.375
315	Phải trả người lao động		4.240.312.048	2.195.905.312
316	Chi phí phải trả	5.11	798.080.460	455.562.731
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		29.655.289	16.772.235
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		487.705.700	487.705.700
330	Nợ dài hạn		378.989.837	389.500.569
333	Phải trả dài hạn khác	5.12	68.989.837	79.500.569
359	Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	5.13	310.000.000	310.000.000
400	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		161.189.463.059	155.944.767.029
410	Nguồn vốn chủ sở hữu		161.189.463.059	155.944.767.029
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.14	130.000.000.000	130.000.000.000
412	Chiết khấu vốn cổ phần		(2.608.500.000)	(2.608.500.000)
418	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		517.809.468	517.809.468
419	Quỹ dự phòng tài chính		517.809.468	517.809.468
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		32.762.344.123	27.517.648.093
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		167.359.558.893	160.077.222.951

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 01a – CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2017 VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
4	Nợ khó đòi đã xử lý		80.293.339	80.293.339
6	Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ			
6.1	Chứng khoán giao dịch theo mệnh giá		29.294.700.000	30.355.000.000
7	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ theo mệnh giá		60.059.734.600	57.361.194.000
8	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác			
8.1	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.22	34.384.034	1.242.027.355
8.2	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	5.22	-	29.918.042.613
			34.384.034	31.160.069.968
9	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác			
9.1	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.23	268.983.165.749	420.741.334.000
10	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	5.24	-	36.000.000.000
11	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	5.25	2.526.597.845	1.758.424.157

Lê Thị Hồng Liên
Người lập

Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Cung Trần Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 3 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 02a – CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm		
		2017 VND	2016 VND	
01	Doanh thu	5.15	2.964.531.456	2.170.502.046
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		2.964.531.456	2.170.502.046
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	5.16	5.420.001.345	2.690.431.094
20	Lỗ gộp của hoạt động kinh doanh		(2.455.469.889)	(519.929.048)
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.17	16.967.541.836	13.719.336.887
22	Chi phí tài chính	5.18	1.368.734.873	2.173.775.166
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.19	7.475.103.595	7.359.025.673
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.668.233.479	3.666.607.000
31	Thu nhập khác		248.452.554	92.197.061
32	Chi phí khác		247.838.326	97.868.025
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác		614.228	(5.670.964)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.668.847.707	3.660.936.036
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.20	424.151.677	470.809.555
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.244.696.030	3.190.126.481
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.21	403	245
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.21	403	245


Lê Thị Hồng Liên
Người lập


Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Cung Trần Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 3 tháng 8 năm 2017


Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT



Mẫu số B 03a – CTQ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2017 VND	2016 VND
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1	Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	2.018.252.725	1.227.288.045
2	Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(3.127.828.653)	(2.664.291.101)
3	Tiền chi trả cho người lao động	(5.851.289.129)	(4.739.900.170)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(42.417.818)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	248.452.554	92.197.061
7	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(16.181.732.904)	(667.522.448)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(22.894.145.407)	(6.794.646.431)
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(289.036.294)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(102.135.610.046)	(134.666.957.761)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	117.746.568.224	121.493.782.587
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	4.682.945.148	2.652.953.318
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	20.293.903.326	(10.809.258.150)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(2.600.242.081)	(17.603.904.581)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	21.807.672.922	67.941.903.872
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	19.207.430.841	50.337.999.291


Lê Thị Hồng Liên
Người lập


Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Cung Trần Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 3 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B 05a – CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chiết khấu vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	130.000.000.000	(2.608.500.000)	266.884.955	266.884.955	23.001.006.854	150.926.276.764
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	5.018.490.265	5.018.490.265
Trích lập các quỹ (Thuyết minh 4.14)	-	-	250.924.513	250.924.513	(501.849.026)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	130.000.000.000	(2.608.500.000)	517.809.468	517.809.468	27.517.648.093	155.944.767.029
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	5.244.696.030	5.244.696.030
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	130.000.000.000	(2.608.500.000)	517.809.468	517.809.468	32.762.344.123	161.189.463.059



Lê Thị Hồng Liên
Người lập



Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Cung Trần Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 3 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005204 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 8 năm 2006. Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh mới nhất số 09/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 5 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Từ ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chịu sự kiểm soát của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“Công ty mẹ”). Công ty mẹ là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 20/GPĐC-UBCK ngày 5 tháng 9 năm 2014. Hoạt động chính của Công ty mẹ là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Trong năm 2017, Công ty quản lý Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ VCAMBF”).

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Hoạt động chính	Quỹ mở
Giấy chứng nhận đăng ký	Số 11/GCN-UBCK
Vốn điều lệ	54.314.089.552 Đồng
Giá trị tài sản ròng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	78.400.890.400 Đồng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 16 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 16 nhân viên). Trong đó, số nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ là 5 người:

Nhân viên	Chức vụ	Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số	Ngày cấp
Cung Trần Việt	Tổng Giám đốc	000537/QLQ	29 tháng 1 năm 2010
Nguyễn Xuân Giao	Giám đốc Đầu tư	000907/QLQ	6 tháng 11 năm 2012
Trần Đỗ Quyên	Kế toán quỹ	001034/QLQ	20 tháng 11 năm 2013
Phạm Xuân Đồng	Giám đốc Đầu tư	001172/QLQ	11 tháng 11 năm 2014
Huỳnh Thị Bảo Trâm	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ	001414/QLQ	12 tháng 5 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

2 NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soạn lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền Đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đơn vị Đồng Việt Nam (“Đồng” hoặc “VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ, Thông tư 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012 về quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính giữa niên độ được soạn thảo dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

3.2 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản đầu tư

Công ty không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư và không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư. Do vậy, các khoản đầu tư được ghi nhận là công cụ tài chính thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

(a) Phân loại

Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán là các khoản chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỉ lệ thấp hơn 20% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Công ty là cổ đồng sáng lập, hoặc đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định của chính sách tài chính, và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận của nhân sự tham gia Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc.

(b) Ghi nhận/Chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là ngày mà Công ty cam kết mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển đi toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

(c) Đánh giá ban đầu và đánh giá lại

Các khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá mua và sau đó được ghi nhận bằng giá gốc trừ dự phòng giảm giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Cổ phiếu thường và cổ tức trả bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(c) Đánh giá ban đầu và đánh giá lại (tiếp theo)

Dự phòng được lập cho các các khoản đầu tư chứng khoán khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán này. Giá trị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (“HNX”) là giá kết thúc phiên giao dịch tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”), thì giá thị trường của các chứng khoán đó được xác định bằng cách tham chiếu giá giao dịch bình quân tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Trong những trường hợp khác, Công ty sử dụng giá giao dịch bình quân do ít nhất 3 công ty chứng khoán cung cấp.

Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

4.3 Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào chi phí trong năm qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

4.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nâng cấp văn phòng	20%
Thiết bị văn phòng	33%
Phần mềm vi tính	33%

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.7 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

4.8 Vốn

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Khi Công ty mua lại cổ phiếu của Công ty thì khoản tiền bỏ ra để mua sẽ được trừ vào vốn chủ sở hữu dưới hình thức vốn cổ phiếu quỹ cho đến khi các cổ phiếu này được bán ra hoặc phát hành lại hoặc điều chỉnh giảm vốn. Khoản tiền nhận được do bán ra hoặc phát hành lại sẽ được ghi vào vốn chủ sở hữu.

Thặng dư/(chiết khấu) vốn cổ phần

Chênh lệch giữa tiền thu được từ phát hành/mua lại cổ phiếu cao hơn/(thấp hơn) mệnh giá được ghi nhận là thặng dư/(chiết khấu) vốn cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi có sự chắc chắn Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ khác

Công ty hiện đang quản lý Quỹ VCAMBF và các danh mục đầu tư ủy thác. Công ty được hưởng phí quản lý từ quỹ này và các danh mục đầu tư ủy thác nêu trên. Phí quản lý được tính hàng tháng dựa trên giá trị tài sản ròng của quỹ và mỗi danh mục đầu tư vào ngày cuối tháng.

(b) Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi/lỗ do kinh doanh chứng khoán và các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác

Lãi/lỗ do thanh lý các khoản đầu tư được xác định là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được bán. Giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thu nhập cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dự thu lãi trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

4.10 Chi phí

Chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở trích trước. Các chi phí phát sinh khi mua các khoản đầu tư được cộng vào giá vốn của các khoản đầu tư đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong kỳ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

4.12 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.13 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Trích lập các quỹ

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty. Theo Thông tư 146/2015/TT-BTC ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015, hằng năm Công ty phải trích lập cho mỗi quỹ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.

4.15 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ không được thể hiện trên các báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 TIỀN

	Tại ngày	
	30.6.2017	31.12.2016
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	6.093.148	17.064.439
Tiền gửi ngân hàng	8.201.337.693	6.790.608.483
	<u>8.207.430.841</u>	<u>6.807.672.922</u>

5.2 CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng. Chi tiết như sau:

	Tại ngày	
	30.6.2017	31.12.2016
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Bản Việt	9.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	7.000.000.000
	<u>11.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

(i) Đầu tư ngắn hạn

	Tại ngày 30.6.2017		Tại ngày 31.12.2016	
	Số lượng	Nguyên giá VND	Số lượng	Nguyên giá VND
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP A Châu	1	200.000.000	1	200.000.000
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCOM				
Công ty Cổ phần FPT ('FPT')	340.000	13.441.192.867	330.000	14.338.898.512
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long ('NLG')	467.330	10.146.687.233	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Châu ('ACB')	300.000	7.246.324.634	-	-
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam ('VOC') – UPCOM	230.000	5.903.585.251	190.000	4.681.147.520
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ('PPC')	250.000	5.209.451.963	-	-
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam ('VLC') – UPCOM	274.600	4.956.406.336	340.000	6.136.846.885
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô ('HDG')	180.000	4.948.143.494	220.020	5.732.915.623
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam ('SEA') - UPCOM	440.000	4.816.604.582	725.000	7.501.346.050
Tổng Công ty Viglacera ('VGC')	175.000	2.656.071.775	460.000	7.091.451.285
Công ty cổ phần Thế giới Sô ('DGW')	150.000	2.205.879.349	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn ('BCC')	100.000	1.743.851.859	-	-
Công ty Cổ phần Hóa An ('DHA')	22.500	727.389.450	-	-
Công ty Cổ phần CMC ('CVT')	40	1.521.627	340.000	13.591.715.370
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ('VNM')	-	-	60.000	8.588.934.544
Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật ('JVC')	-	-	370.480	1.332.383.653
		<u>64.003.110.420</u>		<u>68.995.639.442</u>
Đầu tư chứng chỉ quỹ mở				
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (*)	5.045.973,46	51.200.000.000	4.776.119,40	48.000.000.000
		<u>115.403.110.420</u>		<u>117.195.639.442</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số lượng chứng chỉ quỹ do Công ty nắm giữ tương đương 81.3% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ này (Thuyết minh 7(b)).

Trong kỳ, biến động của nguyên giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 31.12.2016 VND	Mua trong năm VND	Bán trong năm VND	Tại ngày 30.6.2017 VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCOM	68.995.639.442	98.935.610.046	(103.928.139.068)	64.003.110.420
Chứng chỉ quỹ mở	48.000.000.000	3.200.000.000	-	51.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	200.000.000	-	-	200.000.000
	<u>117.195.639.442</u>	<u>102.135.610.046</u>	<u>(103.928.139.068)</u>	<u>115.403.110.420</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Tại ngày 30.6.2017		Tại ngày 31.12.2016	
	Số lượng	Dự phòng VND	Số lượng	Dự phòng VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết				
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam ('VLC')	274.600	(425.506.336)	340.000	(445.246.885)
Công ty CP Xi măng Bỉm Sơn ('BCC')	100.000	(233.851.860)	-	-
Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại ('PPC')	250.000	(84.450.573)	-	-
Công ty CP Sữa Việt Nam ('VNM')	-	-	60.000	(1.052.934.544)
Công ty CP Tập Đoàn Hà Đô ('HDG')	-	-	220.020	(485.438.623)
Công ty CP CMC ('CVT')	-	-	340.000	(433.713.978)
Công ty CP Thương Mại Viglacera ('VGC')	-	-	460.000	(53.451.285)
		<u>(743.808.769)</u>		<u>(2.470.785.315)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

Trong kỳ, biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Dự phòng trong kỳ VND	Hoàn nhập trong kỳ VND	Tại ngày 30.6.2017 VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết	2.470.785.315	8.626.937.319	(10.353.913.865)	743.808.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn

	Tại ngày 30.6.2017			Tại ngày 31.12.2016		
	Tỷ lệ đầu tư	Số lượng	Nguyên giá VND	Tỷ lệ đầu tư	Số lượng	Nguyên giá VND
Đầu tư cổ phiếu						
Công ty CP Gemadept Vũng Tàu	10%	960.000	9.600.000.000	10%	960.000	9.600.000.000

Trong kỳ, biến động nguyên giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Mua trong kỳ VND	Bán trong kỳ VND	Tại ngày 30.6.2017 VND
Đầu tư cổ phiếu	9.600.000.000	-	-	9.600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Phải thu khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là khoản phải thu từ bán khoản đầu tư.

	Tại ngày	
	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Phải thu từ bán chứng khoán chưa niêm yết	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu từ bán chứng khoán niêm yết (*)	682.974.000	2.202.802.834
	<u>3.682.974.000</u>	<u>5.202.802.834</u>

(*) Phải thu từ bán chứng khoán niêm yết thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các chứng khoán được thanh toán sau hai (2) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (ngày T+2) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

5.5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại ngày	
	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Trả trước 30% giá trị hợp đồng khám sức khỏe	10.517.000	-
Chuyển tiền đặt cọc mua 1.000.000 cổ phiếu VGC	1.230.000.000	-
Thanh toán đấu giá trúng 1.000.000 cổ phiếu VGC	15.270.000.000	-
	<u>16.510.517.000</u>	<u>-</u>

5.6 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Tại ngày	
	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Phải thu hoạt động tư vấn quản trị	3.369.000.000	2.170.000.000
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	125.767.622	288.398.171
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 7(b))	57.510.523	54.601.243
	<u>3.552.278.145</u>	<u>2.512.999.414</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5.7 NỢ XẤU

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017				Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Số ngày quá hạn Ngày	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Số ngày quá hạn Ngày
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Việt Thu	2.998.000.000	2.338.300.000	659.700.000	350	-	-	-	-
Công ty CP Đầu Tư Và								
Phát Triển Giáo Dục Khôi Nguyên	371.000.000	111.300.000	259.700.000	869	-	-	-	-
Công ty CP E-study School	3.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	548	3.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	367
	<u>6.369.000.000</u>	<u>3.949.600.000</u>	<u>2.419.400.000</u>		<u>3.000.000.000</u>	<u>1.500.000.000</u>	<u>1.500.000.000</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và 30 tháng 6 năm 2017	1.678.448.281	1.152.934.494	2.831.382.775
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	(895.172.421)	(946.977.104)	(1.842.149.525)
Khấu hao trong kỳ	(167.844.829)	(53.402.933)	(221.247.762)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	(1.063.017.250)	(1.000.380.037)	(2.063.397.287)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	783.275.860	205.957.390	989.233.250
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	615.431.031	152.554.457	767.985.488

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 876.798.204 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 810.376.204 Đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phân mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và 30 tháng 6 năm 2017	815.209.540
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	(769.097.816)
Khấu hao trong kỳ	(18.695.000)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	(787.792.816)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	46.111.724
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	27.416.724

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 768.209.542 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 572.699.542 Đồng).

5.9 PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác bao gồm các khoản ký quỹ thuê văn phòng.

5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Phát sinh VND	Chi trả VND	Tại ngày 30.6.2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	131.260.000	109.000.000	(131.260.000)	109.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	299.849.375	1.287.432.481	(1.460.929.356)	126.352.500
Thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán	155.900.000	-	(155.900.000)	-
Thuế thu nhập từ đầu tư vốn	-	149.229	(149.229)	-
Thuế TNDN hiện hành (Thuyết minh 5.20(a))	(774.159.874)	611.553.679	(187.402.002)	(350.008.197)
	<u>(187.150.499)</u>	<u>2.008.135.389</u>	<u>(1.935.640.587)</u>	<u>(114.655.697)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả bao gồm trích trước cho các chi phí hoạt động và chi phí quản lý doanh nghiệp.

5.12 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác là dự phòng trợ cấp thôi việc.
Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	VND
Số dư đầu kỳ	79.500.569
Chi trả trong kỳ	(10.510.732)
Số dư cuối kỳ	<u>68.989.837</u>

5.13 QUỸ DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư được trích lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc Hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Thông tư 212/2012/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012 về quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.

5.14 VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	Tại ngày	
	30.6.2017	31.12.2016
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký/được cấp phép	<u>13.000.000</u>	<u>13.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	<u>13.000.000</u>	<u>13.000.000</u>

Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Tất cả các cổ phiếu đều có cùng các quyền giống nhau về quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn vốn, hay các quyền khác. Mỗi cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ được quyền hưởng cổ tức khi Công ty công bố cổ tức và có một phiếu biểu quyết. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và không phát hành cổ phiếu ưu đãi trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.14 VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu phổ thông	Vốn cổ phần VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	13.000.000	130.000.000.000

5.15 DOANH THU

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	1.528.590.244	472.891.738
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1.090.000.000	1.357.360.000
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 7(a)(i))	329.666.212	339.712.880
Doanh thu khác	16.275.000	537.428
	<u>2.964.531.456</u>	<u>2.170.502.046</u>

5.16 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Toàn bộ chi phí hoạt động kinh doanh trong năm là các chi phí phát sinh cho hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hoạt động quản lý danh mục đầu tư và hoạt động tư vấn tài chính.

Chi tiết chi phí hoạt động kinh doanh như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	3.663.285.893	1.870.019.004
Chi phí thuê văn phòng và bảo hiểm	640.851.145	268.390.618
Chi phí khấu hao tài sản cố định	152.621.414	83.013.618
Các chi phí khác	963.242.893	469.007.854
	<u>5.420.001.345</u>	<u>2.690.431.094</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5.17 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	13.667.335.195	11.214.307.458
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.093.945.000	1.818.970.000
Lãi tiền gửi	479.285.095	686.059.429
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	1.726.976.546	-
	<u>16.967.541.836</u>	<u>13.719.336.887</u>

5.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	1.368.734.873	1.198.380.214
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	-	975.394.952
	<u>1.368.734.873</u>	<u>2.173.775.166</u>

5.19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	5.139.764.799	5.414.954.388
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	919.400.000	-
Chi phí thuê và bảo hiểm văn phòng	366.486.117	534.482.588
Chi phí kiểm toán và tư vấn	162.848.667	149.418.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.321.348	162.450.679
Chi phí khác	799.282.664	1.097.720.018
	<u>7.475.103.595</u>	<u>7.359.025.673</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.20 THUẾ

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.668.847.707	3.660.936.036
Thuế tính ở thuế suất hiện hành 20% (*)	1.133.769.541	732.187.207
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(218.789.000)	(363.794.000)
Chi phí không được khấu trừ	-	64.518.127
Dự phòng thiếu của năm trước	-	42.417.818
Lỗi tính thuế đã được sử dụng	(490.828.864)	(4.519.597)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	424.151.677	470.809.555

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế. Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế cho giai đoạn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014.

(*) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế có liên quan áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam và Công văn số 8167/BTC-TCT ngày 22 tháng 6 năm 2011 do Bộ Tài Chính ban hành. Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 20% trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 22% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo. Năm có lợi nhuận đầu tiên của công ty là năm 2006. Thuế suất áp dụng cho Công ty từ năm 2008 đến 2010 là 10%, từ 2011 đến 2016 là 20% và từ năm 2016 trở đi là 20% theo Thông tư 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	5.244.696.030	3.190.126.481
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
	<u>5.244.696.030</u>	<u>3.190.126.481</u>
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>403</u>	<u>245</u>

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

5.22 TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Tại ngày	
	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt (i)	18.246.213	1.220.542.682
Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính & Thương Mại Vạn Lộc (ii)	16.137.821	21.484.673
	<u>34.384.034</u>	<u>1.242.027.355</u>
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
Ngô Vĩnh Tuấn (iii)	-	5.984.242.146
Yean Kean Lai (iv)	-	23.933.800.467
	-	<u>29.918.042.613</u>
	<u>34.384.034</u>	<u>31.160.069.968</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.22 TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong kỳ như sau:

(i) Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bàn Việt

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2017 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.220.542.682	521.854
Tăng trong kỳ/năm	271.624.023.775	148.275.093.035
Giảm trong kỳ/năm	(272.826.320.244)	(147.055.072.207)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>18.246.213</u>	<u>1.220.542.682</u>

(ii) Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính & Thương Mại Vạn Lộc

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2017 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ/năm	21.484.673	32.808.747
Tăng trong kỳ/năm	571.670.794	107.579.057.924
Giảm trong kỳ/năm	(577.017.646)	(107.590.381.998)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>16.137.821</u>	<u>21.484.673</u>

(iii) Ngô Vĩnh Tuấn

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2017 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ/năm	5.984.242.146	-
Tăng trong kỳ/năm	349.116	10.987.942.146
Giảm trong kỳ/năm	(5.984.591.262)	(5.003.700.000)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>-</u>	<u>5.984.242.146</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.22 TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(iv) *Yean Kean Lai*

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2017 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ/năm	23.933.800.467	-
Tăng trong kỳ/năm	2.592.862	43.943.880.467
Giảm trong kỳ/năm	(23.936.393.329)	(20.010.080.000)
Số dư cuối kỳ/năm	-	23.933.800.467

5.23 DANH MỤC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bàn Việt		
Chứng khoán niêm yết	250.345.584.000	254.006.209.000
Chứng khoán chưa niêm yết	7.564.740.954	60.000.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính & Thương Mại Vạn Lộc		
Chứng khoán chưa niêm yết	3.072.840.795	106.735.125.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vàng Bạc Đá Quý Mỹ Sơn		
Chứng khoán chưa niêm yết	8.000.000.000	-
Tổng danh mục của nhà đầu tư ủy thác trong nước	268.983.165.749	420.741.334.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.24 CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Tại ngày	
	30.6.2017	31.12.2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt (Thuyết minh 7(b))	-	36.000.000.000

5.25 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Tại ngày	
	30.6.2017	31.12.2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt (Thuyết minh 7(b))	1.118.377.560	853.853.212
Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính & Thương Mại Vạn Lộc	1.386.555.903	853.754.416
Công ty TNHH Một Thành Viên Vàng Bạc Đá Quý Mỹ Sơn	21.664.382	-
Ngo Vinh Tuan	-	12.043.150
Yean Kean Lai	-	38.773.379
	<u>2.526.597.845</u>	<u>1.758.424.157</u>

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng
Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thị trường

Các hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng từ rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác).

Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính.

Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Tổng Giám Đốc xem xét. Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Công ty cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc các tổ chức tín dụng này hoạt động không hiệu quả.

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Công ty chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có mức tín nhiệm rõ ràng. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán, phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, phải thu từ cổ tức và phải thu hoạt động nghiệp vụ. Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán phản ánh các giao dịch bán đang chờ thanh toán. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của các khoản phải thu. Công ty tin đã lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu được đánh giá là khó đòi theo quy định tại thuyết minh 5.7.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo Công ty luôn có đủ một lượng tiền và tương đương tiền nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tương đương tiền, chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư. Chứng khoán chưa niêm yết thường không có tính thanh khoản. Các khoản đầu tư của Công ty vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Công ty có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Công ty thành tiền kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả như sau:

	Dưới 1 năm VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	
Chi phí phải trả	798.080.460
	<u><u>798.080.460</u></u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	
Chi phí phải trả	455.562.731
	<u><u>455.562.731</u></u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Công ty đầu tư vào chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% (31.12.2016: 10%) trong khi tất cả các biến số khác, kể cả thuế suất giữ nguyên không đổi, thì giá trị tài sản ròng của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 12.480.311.309 Đồng (31.12.2016: 10.017.631.203 Đồng) tương ứng.

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện theo nguyên tắc giao dịch song phẳng ngang giá tại ngày định giá.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng báo cáo tài chính giữa niên độ được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết là giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán. Đối với các chứng khoán mà thị trường không giao dịch thì giá trị hợp lý không xác định được.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Tài sản tài chính				
Đầu tư tài chính ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
- Cổ phiếu niêm yết	64.003.113.085	66.524.854.127	73.427.469.000	70.582.205.000
- Chứng chỉ quỹ mở	51.200.000.000	48.000.000.000	63.761.526.157	54.638.185.040
Đầu tư tài chính dài hạn				
- Đầu tư dài hạn khác	9.600.000.000	9.600.000.000	<i>Không xác định</i>	<i>Không xác định</i>
Các khoản phải thu	21.952.164.304	11.350.945.954	21.952.164.304	11.350.945.954
Tiền và tương đương tiền	19.207.430.841	21.807.672.922	19.207.430.841	21.807.672.922
Nợ tài chính phải trả				
Chi phí phải trả	798.080.460	455.562.731	798.080.460	455.562.731

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có liên quan đến các bên như sau:

Các bên liên quan

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Quan hệ

Công ty mẹ
Quỹ do công ty quản lý
Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
Nhân sự quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
i) Doanh thu dịch vụ (Thuyết minh 5.15)		
Phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	-	41.636.113
Phí quản lý từ Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt	329.666.212	298.076.767
	<u>329.666.212</u>	<u>339.712.880</u>
ii) Mua dịch vụ		
Phí môi giới chứng khoán trả cho Công ty mẹ	<u>296.754.206</u>	<u>380.490.365</u>
iii) Thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết		
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	<u>-</u>	<u>1.832.166.250</u>
iv) Các khoản chi cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc		
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>2.520.000.000</u>	<u>1.960.000.000</u>
v) Doanh thu hoạt động tài chính		
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt	<u>361.600.000</u>	<u>661.365.271</u>
Tổng số tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong kỳ của Công ty vào Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt là 80.000.000.000 Đồng.		
vi) Nhận đầu tư ủy thác		
Nhận đầu tư ủy thác từ Công ty mẹ	<u>257.910.324.954</u>	<u>259.745.584.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

Công ty có các khoản đầu tư sau đây vào các bên liên quan:

	Tại ngày 30.6.2017		Tại ngày 31.12.2016	
	Số lượng	Nguyên giá VND	Số lượng	Nguyên giá VND
Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (bằng chứng chỉ quỹ)	5.045.973,46	51.200.000.000	4.776.119,40	48.000.000.000

Tại ngày 30 tháng 6, số dư với các bên liên quan như sau:

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ (Thuyết minh 5.6)		
Phí quản lý quỹ phải thu từ Quỹ Cân bằng Bản Việt	57.510.523	54.601.243
Các số dư khác với các bên liên quan		
Tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	9.000.000.000	7.000.000.000
Lãi phải thu từ khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	7.200.000	35.008.334
Cổ tức phải thu từ Quỹ Cân bằng Bản Việt	-	3.157.221.163
	9.007.200.000	7.035.008.334
Chi tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ		
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác là Công ty mẹ (Thuyết minh 5.25)	-	36.000.000.000
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác là Công ty mẹ (Thuyết minh 5.26)	1.118.377.560	853.853.212

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

8 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cho các hợp đồng thuê hoạt động vẫn phòng không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày	
	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Dưới 1 năm	1.916.128.892	458.808.570
Từ 1 đến 5 năm	3.525.991.825	-
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>5.442.120.717</u>	<u>458.808.570</u>

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 3 tháng 8 năm 2017.


Lê Thị Hồng Liên
Người lập


Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Cung Trần Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy phép thành lập
và hoạt động**

Số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006
Số 01/UBCK-GP ngày 17 tháng 7 năm 2007
Số 14/UBCK-GPĐC ngày 29 tháng 4 năm 2008
Số 28/UBCK-GPĐC ngày 11 tháng 12 năm 2008
Số 38/UBCK-GP ngày 19 tháng 3 năm 2009
Số 09/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 5 năm 2014
do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy chứng nhận
Đăng ký kinh doanh**

Số 4103005204 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 8 năm 2006,
đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25 tháng 10 năm 2006
do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch
Ông Cung Trần Việt	Thành viên
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên

**Tổng Giám đốc kiêm
Người đại diện theo pháp luật**

Ông Cung Trần Việt

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Trụ sở chính

Phòng 2303, Lầu 23, Tòa nhà Lim
9-11 Đường Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)